TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2021
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Trương Văn Mên
2.Ông Lê Văn Đáng
- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:** Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74 /2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

Bị đơn: Chị Phạm Thị Mỹ T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày và yêu cầu như sau:

+ *Về hôn nhân*: Vào năm 2006 anh và chị T quen biết nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, (nay là thị xã D) tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Phạm Thị Anh T sinh ngày 13/4/2007, Phạm Gia H sinh ngày 12/02/2016.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống từ đó vợ chồng không thể dung hòa với nhau nên vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh D yêu cầu được ly hôn với chị T.

+ *Về con chung*:

Hiện tại anh D đang nuôi dưỡng Phạm Thị Anh T sinh ngày 13/4/2007, anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi. Phạm Gia H sinh ngày 12/02/2016 chị T đang nuôi dưỡng, anh D để cho chị T tiếp tục nuôi.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung, về nợ chung*: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Phạm Thị Mỹ T trình bày:* Năm 2004 chị và anh D quen biết nhau khoảng 2 năm sau đó tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi cưới thì chị về sống bên chồng, thời gian sau anh D có đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do anh D không lo làm ăn mà tham gia tệ nạn cờ bạc, đá gà, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh D không thay đổi vì vậy chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Thời gian ly thân chị không gặp anh D và anh D cũng không có đến thăm con. Nay anh D xin ly hôn chị chấp nhận ly hôn vì không còn tình cảm với nhau.

Về con chung: Phạm Thị Anh T sinh ngày 13/4/2007, theo ai người đó nuôi, Phạm Gia H sinh ngày 12/02/2016 chị T đang nuôi dưỡng, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Phạm Thị Anh T trình bày có nguyện vọng được sống chung với cha, sau khi cha mẹ ly hôn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho anh D ly hôn chị T. Về con chung: Phạm Thị Anh T sinh ngày 13/4/2007 đang sống chung anh D, có nguyện vọng sống chung anh D nên để tiếp tục nuôi dưỡng. Phạm Gia H sinh ngày 12/02/2016 chị T đang nuôi dưỡng, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi, anh D đồng ý để chị T nuôi dưỡng nên ghi nhận.Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D, chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.Về tài sản chung và nợ chung: Anh D, chị T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Anh D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa anh D, chị T là tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung; bị đơn đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[2] *Về hôn nhân*: Anh D, chị T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Trà Vinh vào ngày 08/10/2012 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh D, chị T là hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh D xin ly hôn chị T, theo lời khai của anh D và chị T thì trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc nên vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay, thời gian ly thân thì anh D và chị T không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không gặp nhau để thỏa thuận đoàn tụ, hiện tại chị T, anh D đều cho rằng vợ chồng không còn thương nhau nên chị T chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của anh D.

Tòa nhận thấy mâu thuẫn giữa anh D, chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*:

Xét thấy con chung tên Phạm Thị Anh T hiện tại anh D đang nuôi dưỡng, anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi và Phạm Thị Anh T có nguyện vọng được sống chung anh D.

Phạm Gia H sinh ngày 12/02/2016 chị T đang nuôi dưỡng, anh D để cho chị T tiếp tục nuôi. Phía chị T chấp nhận theo yêu cầu của anh D và theo nguyện vọng của con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D, chị T không yêu cầu nên không xét.

[4]*Về tài sản chung, về nợ chung:*Anh D, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Anh Trần Văn D được ly hôn chị Phạm Thị Mỹ T.

- *Về con chung:* Giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Thị Anh T sinh ngày 13/4/2007. Giao chị Phạm Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Gia H sinh ngày 12/02/2016.

Anh D, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh D, chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

-*Về tài sản chung, về nợ chung*: Anh D, chị T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004469 ngày 27/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Anh D đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
-UBND xã H, thị xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Tranh